

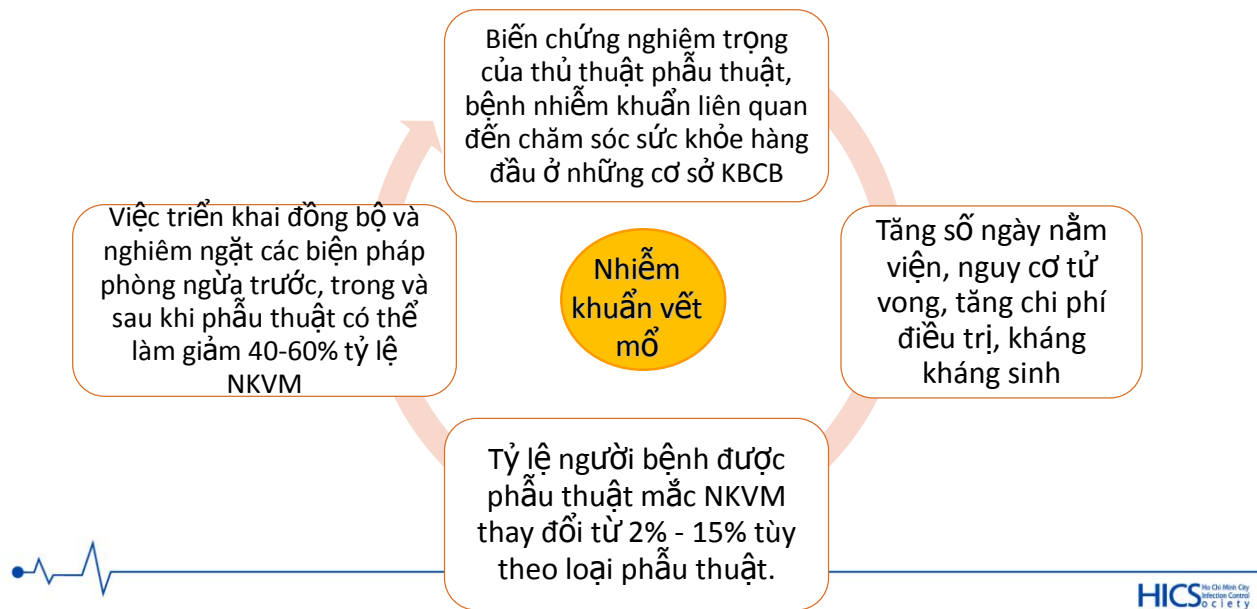
KIẾN THỨC, THỰC HÀNH PHÒNG NGỪA NHIỄM KHUẨN VẾT MỔ CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC NĂM 2021

Báo cáo viên: Cao Thị Hồng Nhung

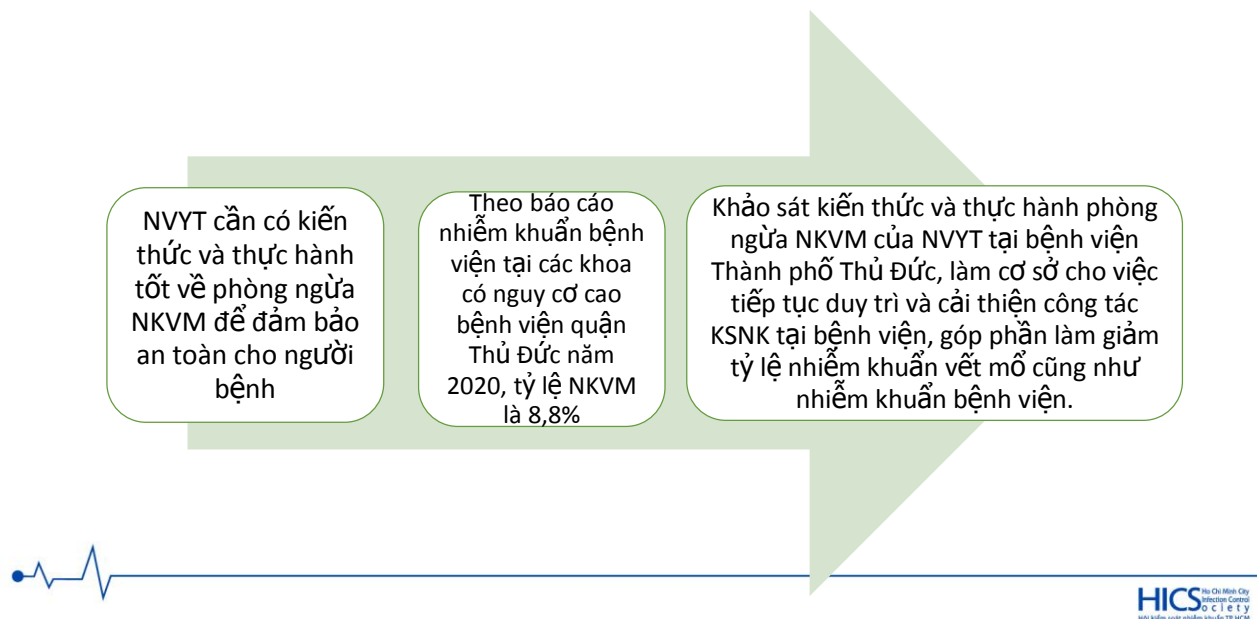
Contents

- 1 Đặt vấn đề
- 2 Tổng quan y văn
- 3 Đối tượng-phương pháp nghiên cứu
- 4 Kết quả - Bàn luận
- 5 Kết luận
- 6 Kiến nghị

ĐẶT VẤN ĐỀ



ĐẶT VẤN ĐỀ





MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1. Xác định tỷ lệ kiến thức và thực hành đạt về phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của nhân viên y tế tại bệnh viện Thành phố Thủ Đức năm 2021.
2. Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ của nhân viên y tế tại bệnh viện Thành phố Thủ Đức năm 2021.



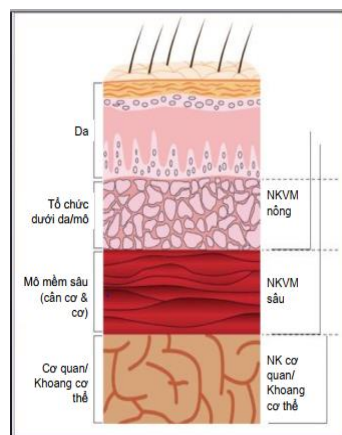
TỔNG QUAN Y VẤN

Tỷ lệ NKVM trên thế giới:

| | |
|------------------------------|-----------------------------|
| Hoa Kỳ 0,9% (NHSN 2014) | Hàn Quốc 2,1% (2010-2011) |
| Ý 2,6% | LMICs 6,1% (WHO 1995-2015) |
| Úc 2,8% (VICNISS, 2002-2013) | Đông Nam Á 7,8% (2000-2012) |

Tỷ lệ NKVM ở Việt Nam

- 5-10% (trong số khoảng 2 triệu người bệnh được phẫu thuật/năm)
- NKVM là loại NK thường gặp nhất
- 90% là NKVM thuộc loại nông và sâu



TỔNG QUAN Y VẤN

| Tên tác giả | Thời gian | Địa điểm | Đối tượng | Kết quả |
|----------------------------|-----------|------------|---------------------------------------|---|
| Humaun Kabir Sickder | 2010 | Bangladesh | 120 Điều dưỡng | Kiến thức đạt: 69.67% Thực hành đạt: 89.95% |
| TT Famakinwa | 2014 | Nigeria | 100 Điều dưỡng | 68% có kiến thức kém về phòng ngừa NKVM sau phẫu thuật |
| Vaibhav B. Pati và cộng sự | 2018 | Ấn Độ | 138 Nhân viên y tế | 70% nhân viên y tế có kiến thức kém. 68,75% chuyên gia tư vấn, 65,51% điều dưỡng, 49,15% thực tập sinh và nội trú có thực hành tốt |
| Ding và cộng sự | 2017 | Australia | 60 lần quan sát thực hành. Điều dưỡng | Thực hành vệ sinh tay sau thủ thuật (n = 49, 81,7%) ít hơn so với vệ sinh tay trước (n = 57, 95%). 1/5 không sử dụng găng tay vô trùng đúng cách (n = 4, 22%) |



TỔNG QUAN Y VẤN

| Tên tác giả | Thời gian | Địa điểm | Đối tượng | Kết quả |
|------------------------------|-----------|--|--|--|
| Nguyễn Thanh Loan và cs | 2014 | Bệnh viện đa khoa Trung tâm Tiền Giang | 80 Điều dưỡng | Kiến thức đúng: 60% Thực hành đúng 63,8% |
| Nguyễn Hằng Nguyệt Vân và cs | 2017 | Bệnh viện 19.8 | 197 Nhân viên y tế | Có 27,4% NVYT đạt mức kiến thức về phòng chống NKVM trên trung bình 100% bác sĩ và 74,2% điều dưỡng có thực hành đạt |
| Huỳnh Huyền Trân và cs | 2017 | Bệnh viện đa khoa Cần Thơ | 65 Điều dưỡng | 67,7% điều dưỡng có kiến thức tốt và 63,1% có thực hành đạt về phòng ngừa NKVM |
| Phạm Văn Dương | 2017 | Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Ninh Bình | 71 Điều dưỡng | 71,8% điều dưỡng có kiến thức đạt, 64,8% có thực hành đạt về phòng ngừa NKVM |
| Trần Thị Thu Trang và cs | 2018 | Bệnh viện Tai Mũi Họng Thành phố HCM | 206 lượt quan sát tuân thủ quy trình. NVYT | Tỷ lệ tuân thủ đạt mức độ rất tốt (từ 85,7% trở lên) |



GIỚI THIỆU BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Quy mô 1000 giường với 10 phòng và 40 khoa tương đương một bệnh viện đầu ngành Trên 6000 lượt bệnh nhân ngoại trú/ngày, nội trú bình quân trên 900 người, mỗi ngày bệnh viện thực hiện trung bình 50-66 ca phẫu thuật



Thành lập năm 2007 với quy mô ban đầu 50 giường, tổng nhân sự 99 người trong đó có 17 bác sĩ.

Bệnh viện tuyến quận huyện hạng I đầu tiên trong cả nước theo quyết định số 5563/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 của UBND Thành phố.

ĐỐI TƯỢNG – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu

- Cắt ngang mô tả

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Tháng 05/2021 – 06/2022
- Bệnh viện Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng

- Bác sĩ, điều dưỡng và nữ hộ sinh tại 10 khoa Ngoại, khoa có bệnh nhân phẫu thuật tại bệnh viện Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: Ngoại tổng quát, Chấn thương chỉnh hình, Ngoại thần kinh, Tiết niệu nam khoa, Ung bướu, Ngoại Lồng ngực mạch máu, Răng Hàm Mặt, Tai Mũi Họng, Sản, Hồi sức tích cực-Chống độc.

ĐỐI TƯỢNG – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiêu chí đưa vào

- Bác sĩ, điều dưỡng và nữ hộ sinh tại 10 khoa.
- Trực tiếp làm chuyên môn
- Có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc
- Đồng ý tham gia nghiên cứu

Kỹ thuật chọn mẫu: Chọn toàn bộ bác sĩ, điều dưỡng và nữ hộ sinh (sau đây gọi chung là điều dưỡng) tại 10 khoa. Tổng số nhân viên 10 khoa tại thời điểm khảo sát là 372, tổng số nhân viên tham gia nghiên cứu này là 315 người.

Tiêu chí loại ra

- Nhân viên hành chính không làm chuyên môn
- Nhân viên đang đi học tập trung, nghỉ thai sản, chống dịch, cách ly



ĐỐI TƯỢNG – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập dữ kiện

- Đánh giá kiến thức sử dụng bảng câu hỏi tự điền, thông qua Google form
- Đánh giá thực hành về phòng ngừa NKVM qua bảng kiểm quan sát thực hành kết hợp xem xét hồ sơ bệnh án

Công cụ thu thập dữ kiện

- Bộ câu hỏi đánh giá kiến thức được thiết kế dựa trên bộ câu hỏi của H.M Sickder trong nghiên cứu tại Bangladesh. Chỉ số Cronbach's alpha là 0,85 => độ tin cậy ở mức tốt. Tổng điểm từ 0-21, số điểm từ 14 trở lên được tính là có kiến thức đạt về phòng ngừa NKVM
- Bộ công cụ quan sát thực hành gồm 3 mẫu phiếu quan sát: thực hành của bác sĩ, VST ngoại khoa, thực hành thay băng của điều dưỡng. Thực hành đạt khi đạt tất cả các nội dung của bảng kiểm.

ĐỐI TƯỢNG – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

PHÂN TÍCH DỮ KIẾN

- Kết quả giám sát sẽ được kiểm tra lại và làm sạch
- Phân tích dữ kiện bằng phần mềm Stata 14.

Thống kê mô tả

- Thống kê mô tả đối với biến định tính (nhóm tuổi, giới tính, chức danh, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, tham gia tập huấn về NKVM) báo cáo tần số, tỉ lệ.

Thống kê phân tích

- Thống kê phân tích bằng kiểm định Chi bình phương, tỷ số tỷ lệ hiện mắc (PR) và khoảng tin cậy 95%, chọn mức ý nghĩa thống kê $p \leq 0,05$.

ĐỐI TƯỢNG – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Y đức

Nghiên cứu được sự chấp thuận của Hội đồng Đạo đức Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 740/HĐĐĐ-ĐHYD và sự chấp thuận của Bệnh viện Thành phố Thủ Đức.

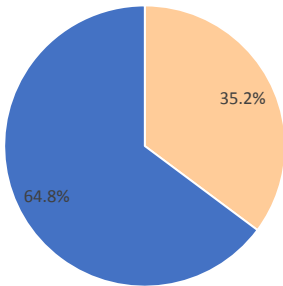
Người tham gia nghiên cứu được giải thích rõ về mục tiêu, ý nghĩa của nghiên cứu, cách tiến hành, thời gian nghiên cứu và tự nguyện đồng ý tham gia nghiên cứu

Mọi thông tin của đối tượng đều được giữ bí mật và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

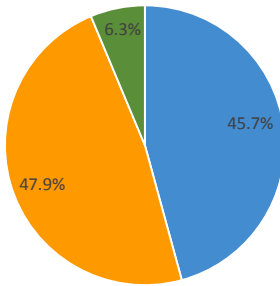
KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện trên 315 nhân viên y tế, bao gồm bác sĩ, điều dưỡng, nữ hộ sinh tại 10 khoa có bệnh nhân phẫu thuật tại bệnh viện Thành phố Thủ Đức.

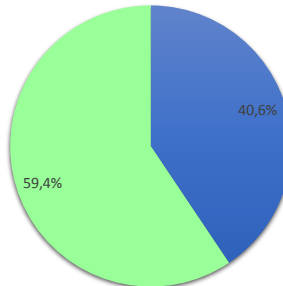
Giới tính



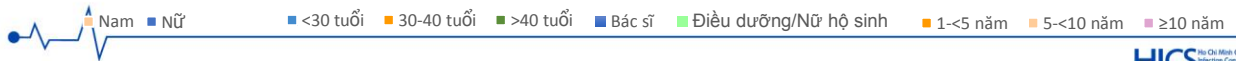
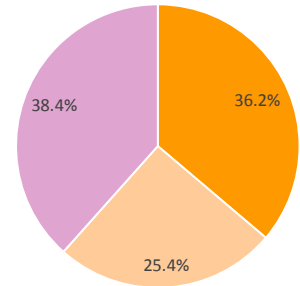
Nhóm tuổi



Chức danh



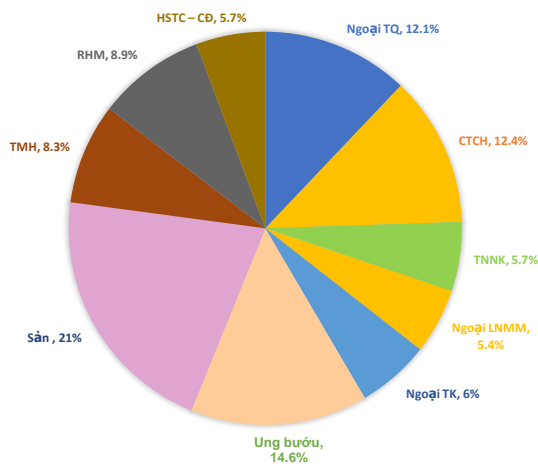
Thâm niên công tác



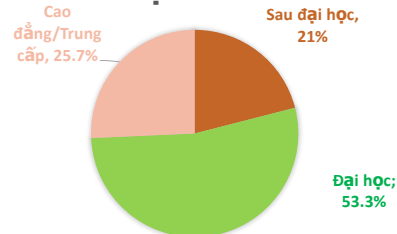
HICS
Hội Kiểm soát nhiễm khuẩn TP HCM

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

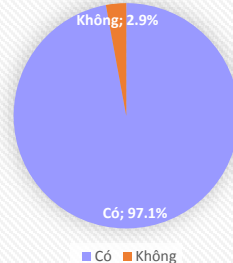
KHOA CÔNG TÁC



TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN



Tham gia tập huấn về NKVM

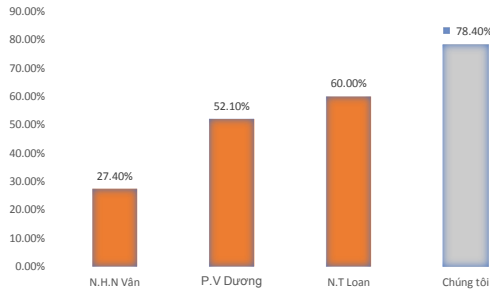


■ Có ■ Không

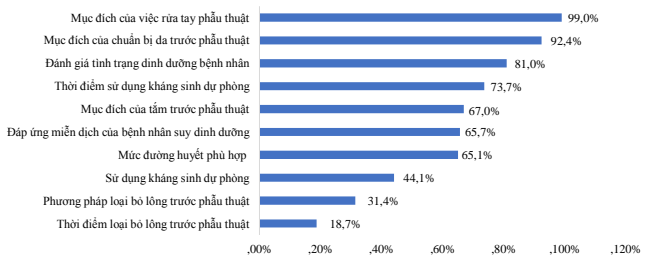
HICS
Hội Kiểm soát nhiễm khuẩn TP HCM

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

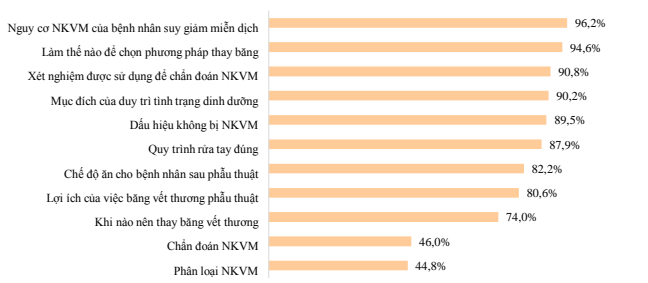
KIẾN THỨC ĐẠT



PHÒNG NGỪA NKVM TRƯỚC PHẪU THUẬT (%)



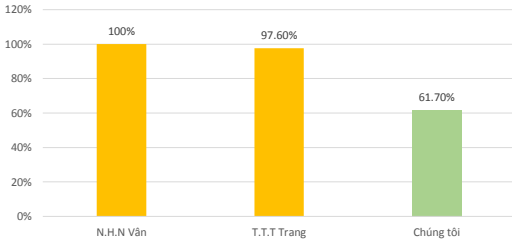
PHÒNG NGỪA NKVM SAU PHẪU THUẬT(%)



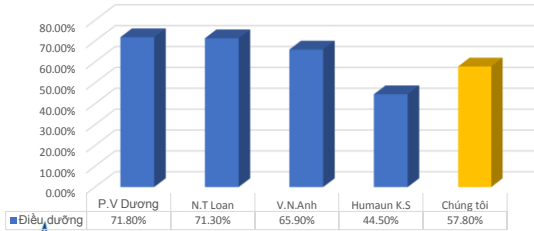
KẾT QUẢ - BÀN LUẬN



THỰC HÀNH BÁC SĨ



THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG



VST ngoại khoa: tỷ lệ thực hiện đúng quy trình 66,4%, phần lớn các bác sĩ bỏ qua bước rửa tay lần thứ 2 trong quy trình rửa tay bằng dung dịch xà phòng khử khuẩn

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

• Các yếu tố liên quan đến kiến thức về phòng ngừa NKVM

| Đặc điểm | Kiến thức đạt | | p | PR (KTC 95%) |
|---------------------|---------------|------|-------|------------------|
| | n | % | | |
| Giới tính | | | | |
| Nam | 94 | 84,7 | 0,046 | 1 |
| Nữ | 153 | 75 | | 0,89 (0,79-0,99) |
| Chức danh | | | | |
| Bác sĩ | 111 | 86,7 | 0,003 | 1 |
| Điều dưỡng | 136 | 72,7 | | 0,84 (0,75-0,94) |
| Trình độ chuyên môn | | | | |
| Cao đẳng/Trung cấp | 53 | 65,4 | | 1 |
| Đại học | 136 | 81 | 0,017 | 1,24 (1,04-1,47) |
| Sau đại học | 58 | 87,9 | 0,002 | 1,34 (1,12-1,61) |

Nghiên cứu của Nguyễn Hằng Nguyệt Vân cho thấy không có mối liên quan giữa kiến thức về phòng ngừa NKVM với giới tính, chức danh

Về trình độ chuyên môn, kết quả tương tự nghiên cứu của Nguyễn Thanh Loan và Humaun Kabir Sickder trên đối tượng điều dưỡng

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Các yếu tố liên quan đến thực hành về phòng ngừa NKVM của bác sĩ

| Đặc điểm | Thực hành đạt | | p | PR (KTC 95%) |
|---------------------|---------------|------|-------|------------------|
| | n | % | | |
| Nhóm tuổi | | | | |
| <30 tuổi | 33 | 50,8 | | 1 |
| 30-40 tuổi | 36 | 73,5 | 0,014 | 1,45 (1,08-1,94) |
| >40 tuổi | 10 | 71,4 | 0,106 | 1,41 (0,93-2,12) |
| Giới tính | | | | |
| Nam | 53 | 56,4 | 0,039 | 1 |
| Nữ | 26 | 76,5 | | 1,36 (1,05-1,75) |
| Trình độ chuyên môn | | | | |
| Sau đại học | 43 | 74,1 | 0,009 | 1,44 (1,1-1,9) |
| Đại học | 36 | 51,4 | | 1 |
| Thâm niên công tác | | | | |
| 1-<5 năm | 31 | 49,2 | | 1 |
| 5-<10 năm | 22 | 73,3 | 0,019 | 1,49 (1,07-2,08) |
| ≥10 năm | 26 | 74,3 | 0,011 | 1,51 (1,10-2,08) |

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thực hành của bác sĩ với các yếu tố: nhóm tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, với $p < 0,05$

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Các yếu tố liên quan đến thực hành của điều dưỡng về phòng ngừa NKVM

| Đặc điểm | Thực hành đạt | | p | PR (KTC 95%) |
|---------------------|---------------|------|------------------|------------------|
| | n | % | | |
| Trình độ chuyên môn | | | | |
| Trung cấp/Cao đẳng | 39 | 48,2 | | 1 |
| Đại học | 61 | 62,2 | 0,067 | 1,29 (0,98-1,70) |
| Sau đại học | 8 | 100 | <0,001 | 2,07 (1,66-2,61) |
| Thâm niên công tác | | | | |
| 1-<5 năm | 22 | 43,1 | | 1 |
| 5-<10 năm | 31 | 62 | 0,064 | 1,44 (0,98-2,11) |
| >=10 năm | 55 | 64 | 0,029 | 1,48 (1,04-2,11) |

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa trình độ chuyên môn, thâm niên công tác với thực hành thay băng vết mổ, kết quả tương đồng với nghiên cứu của Phùng Thị Huyền 2012, Phạm Văn Dương năm 2017

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Liên quan giữa kiến thức và thực hành phòng ngừa NKVM

| Kiến thức n (%) | Thực hành n (%) | | p | PR (KTC 95%) |
|--------------------|-----------------|-----------|--------|-------------------|
| | Đạt | Chưa đạt | | |
| Bác sĩ | | | | |
| Đạt | 69 (62,2) | 42 (37,8) | 0,792 | 1,06 (0,69-1,61) |
| Chưa đạt | 10 (58,8) | 7 (41,2) | | |
| Điều dưỡng | | | | |
| Đạt | 104 (76,5) | 32 (23,5) | <0,001 | 9,75 (3,79-25,09) |
| Chưa đạt | 4 (7,8) | 47 (92,2) | | |

KẾT LUẬN



| | |
|-----------|--|
| Kiến thức | <p>Tỷ lệ đạt kiến thức về phòng ngừa NKVM tương đối cao, đạt 78,4%.</p> <p>Bác sĩ là 86,7%, điều dưỡng/nữ hộ sinh là 72,7%</p> |
| Thực hành | <p>Tỷ lệ đạt thực hành phòng ngừa NKVM chung là 59,4%</p> <p>Bác sĩ là 61,7%, điều dưỡng/nữ hộ sinh là 57,8%.</p> |



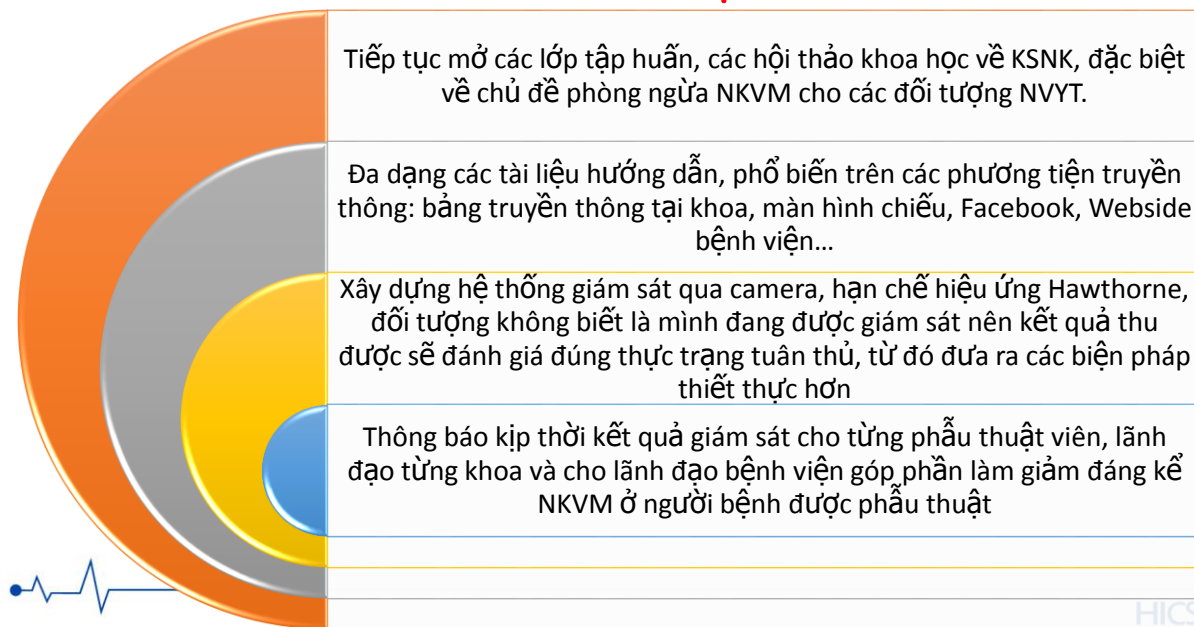
KẾT LUẬN

Yếu tố liên quan

- Đến kiến thức: Bác sĩ có kiến thức đạt cao hơn so với điều dưỡng/nữ hộ sinh. Nam giới có kiến thức đạt cao hơn so với nữ giới. Trình độ chuyên môn càng cao thì tỷ lệ đạt kiến thức càng cao ($p < 0,05$).
- Đến thực hành:
- Bác sĩ: Nhóm tuổi, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác ($p < 0,05$).
- Điều dưỡng: trình độ chuyên môn, thâm niên công tác càng cao thì thực hành càng tốt hơn ($p < 0,05$).
- Liên quan giữa kiến thức và thực hành điều dưỡng: Thực hành đạt ở nhóm có kiến thức đạt cao hơn nhóm có kiến thức chưa đạt ($p < 0,001$).



KIẾN NGHỊ



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y tế. Hướng dẫn phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ ban hành kèm theo Quyết định 3671/QĐ-BYT (2012).
- Nguyễn Hằng Nguyệt Vân, Nguyễn Thái Hưng, Nguyễn Thị Hoài Thu, Dương Minh Đức. Đánh giá kiến thức và thực hành phòng chống nhiễm khuẩn vết mổ của cán bộ y tế tại bệnh viện 19.8 năm 2017. *Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển*. 2019;3(1):93-100.
- Humaun KS, et al. Nurses' knowledge and practice regarding prevention of surgical site infection in Bangladesh. *Pacific Rim International Journal of Nursing Research*. 2010;21(3):244-257.
- Phạm Văn Dương. *Thực trạng kiến thức và thực hành của điều dưỡng trong chăm sóc phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ tại bệnh viện Sản Nhi tỉnh Ninh Bình năm 2017*. Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2017.



XIN CHÂN THÀNH CÁM ƠN